

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 – 46

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,115,314,995,678	1,090,589,267,959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	76,693,707,253	72,097,225,837
1. Tiền mặt tại quỹ	111		4,325,798,787	8,157,350,734
2. Tiền gửi ngân hàng	112		29,153,863,466	46,569,390,707
3. Tiền đang chuyển	113		28,214,045,000	-
4. Các khoản tương đương tiền	114		15,000,000,000	17,370,484,396
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	669,061,571,592	656,125,301,034
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		60,536,020,823	23,762,129,534
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		609,990,000,000	633,120,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,464,449,231)	(756,828,500)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		332,239,601,993	317,455,484,654
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	222,338,026,369	199,080,436,331
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	26,306,207,918	25,229,431,736
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		4,943,715,658	11,369,563,664
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	117,463,196,090	110,971,130,774
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(38,811,544,042)	(29,195,077,851)
IV. Hàng tồn kho	140		6,975,581,063	24,828,873,360
1. Hàng mua đang đi đường	141		-	-
2. Nguyên liệu, vật liệu	142		4,313,713,253	6,412,637,524
3. Công cụ, dụng cụ	143		220,935,922	109,919,102
4. Chi phí kinh doanh dở dang	144		15,272,053	15,272,053
5. Hàng hoá	145		2,425,659,835	18,291,044,681
6. Hàng gửi đi bán	146		-	-
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30,344,533,777	20,082,383,074
1. Tạm ứng	151		26,448,061,665	15,421,683,436
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.7	972,834,135	782,976,684
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		-	-
4. Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	154		2,490,676,579	3,028,775,859
5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	155	V.8	432,961,398	848,947,095
6. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		609,400,290,309	568,201,562,819
I. Các khoản phải thu dài hạn	201		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	202		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	203		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	204		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	205		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	206		-	-
II. Tài sản cố định	210		88,589,322,302	92,371,616,021
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.9	42,560,619,187	46,059,026,760
<i>Nguyên giá</i>	212		92,883,600,687	91,805,958,116
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(50,322,981,500)	(45,746,931,356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
<i>Nguyên giá</i>	215		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	216		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	V.10	46,028,703,115	46,312,589,261
<i>Nguyên giá</i>	218		48,192,677,011	48,137,677,011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(2,163,973,896)	(1,825,087,750)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		364,455,799,909	332,401,846,621
1. Đầu tư vào công ty con	223		-	-
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	222	V.11	114,435,312,939	114,581,270,187
4. Đầu tư dài hạn khác	228	V.12	256,138,082,308	222,156,058,788
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229	V.13	(6,117,595,338)	(4,335,482,354)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	122,098,196,003	109,509,366,026
V. Bất động sản đầu tư	231	V.15	6,994,763,527	6,994,763,527
<i>Nguyên giá</i>	232		6,994,763,527	6,994,763,527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	233		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	240		27,262,208,568	26,923,970,624
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		10,316,210,000	10,080,000,000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		5,265,735,608	5,240,667,966
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	V.16	11,680,262,960	11,603,302,658
4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244		-	-
5. Tài sản dài hạn khác	248		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		1,724,715,285,987	1,658,790,830,778

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,093,023,947,031	992,700,882,163
I. Nợ ngắn hạn	310		224,330,964,278	185,778,090,812
1. Vay ngắn hạn	311	V.17	17,456,862,950	18,000,000,000
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312	V.18	40,000,000	100,000,000
3. Phải trả người bán	313	V.19	108,031,837,893	88,518,597,724
4. Người mua trả tiền trước	314	V.20	2,493,729,720	6,466,141,274
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	V.21	12,886,830,471	25,393,809,814
6. Phải trả người lao động	316		450,424,815	27,098,706,031
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	V.22	82,931,516,006	20,196,646,332
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		39,762,423	4,189,637
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	319.1		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319.2		-	-
II. Nợ dài hạn	320		30,943,231,119	40,711,646,057
1. Vay dài hạn	321		-	-
2. Nợ dài hạn	322		-	-
3. Phát hành trái phiếu	323		-	-
4. Phải trả dài hạn người bán	324		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	325		-	-
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	326		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	327		-	-
8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	328		-	-
9. Dự phòng phải trả dài hạn	329		-	-
10. Doanh thu chưa thực hiện	329.1		30,924,231,119	40,711,646,057
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	329.2		19,000,000	-
III Dự phòng nghiệp vụ	330		836,650,490,450	765,102,380,274
1 Dự phòng phí	331		618,412,769,161	593,979,953,708
2 Dự phòng toán học	332		-	-
3 Dự phòng bồi thường	333		188,245,155,448	147,559,532,957
4 Dự phòng giao động lớn	334		29,992,565,841	23,562,893,609
5 Dự phòng chia lãi	335		-	-
6 Dự phòng bảo đảm cân đối	336		-	-
IV Nợ khác	340		1,099,261,184	1,108,765,020
1 Chi phí phải trả	341		659,098,048	667,601,884
2 Tài sản thừa chờ xử lý	342		-	-
3 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		440,163,136	441,163,136

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		630,365,070,411	661,779,115,796
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	630,365,070,411	661,779,115,796
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		503,957,090,000	503,957,090,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	411.1		60,296,215,488	60,296,215,488
3. Cổ phiếu quỹ	411.2		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
6. Vốn khác của chủ sở hữu	411.3		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	414		17,475,024,675	16,833,594,811
8. Quỹ dự phòng tài chính	415		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		22,476,110,676	22,449,937,984
10. Quỹ dự trữ tự nguyện	417		-	-
11. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	417.1		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		26,160,629,572	58,242,277,513
13. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
14. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
1. Nguồn kinh phí	425		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	428		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	429	V.24	1,326,268,545	4,310,832,819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1,724,715,285,987	1,658,790,830,778

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	01	-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02	-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	04	-	-
5 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	05	196.851.653.860	177.061.319.778
6 Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	06	-	-
7 Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	07	-	-
8 Ngoại tệ các loại:	08	-	-
Dollar Mỹ (USD)		47.731,07	173.994,37
Euro (EUR)		893,29	898,75
Bảng Anh (£)		370,93	374,05
9 Dự toán chi sự nghiệp, dự án	09	-	-
10 Cổ phiếu lưu hành	11	-	-
11 Cổ tức phải trả	12	-	-

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Q.Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Xuân Trường

Cao Thu Hiền



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2013	Quý II.2012	Đơn vị tính: VND	
					Năm nay	Năm trước
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		325,864,755,107	257,711,919,806	688,062,710,361	900,395,811,887
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		43,445,081,656	17,870,933,130	48,834,143,660	43,623,494,937
3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03		68,705,112,613	12,383,883,525	93,929,630,749	344,109,335,519
Phí nhượng tái bảo hiểm	04		60,958,611,493	5,989,818,567	82,068,145,324	330,984,138,216
Giảm phí bảo hiểm	05		2,426,910,934	1,692,908,567	3,648,707,059	3,670,956,545
Hoàn phí bảo hiểm	06		5,319,590,186	4,701,156,391	8,212,778,366	9,454,240,758
Các khoản giảm trừ khác	07		-	-	-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		17,883,249,146	30,251,079,045	24,432,815,453	95,999,588,679
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		15,904,961,174	15,689,332,492	21,211,483,879	26,339,322,273
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10		93,985,169	315,241,854	232,569,530	3,064,961,854
Thu nhận tái bảo hiểm	11		4,976,912	-	4,976,912	29,830
Thu nhượng tái bảo hiểm	12		-	6,865,377	13,436,951	2,093,187,985
Thu khác	13		89,008,257	308,376,477	214,155,667	971,744,039
7. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 +/- 08 + 09 + 10)	14	VI.1	298,720,421,347	248,952,464,711	639,978,461,228	533,314,666,752
8. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14.1	VI.2	84,582,657,609	70,053,540,303	151,271,998,392	134,595,380,780
9. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc	15		143,184,480,287	135,238,763,432	284,785,967,456	258,276,543,903
10. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		23,814,866,756	10,148,477,356	24,487,617,632	18,397,739,358

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2013			Quý II.2012			Năm nay		Năm trước	
11. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		22,305,815,329			8,389,303,502			36,343,436,466		28,164,359,337	
Thu bồi thường nhượng Tài bảo hiểm	18		23,680,221,497			7,790,057,687			32,691,957,851		26,553,395,155	
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		32,270,000			-			56,270,000		-	
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		(1,406,676,168)			599,245,815			3,595,208,615		1,610,964,182	
12. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		144,693,531,714			136,997,937,286			272,930,148,622		248,509,923,924	
13. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-			28,000,000,000			-		28,000,000,000	
14. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		(4,610,641,487)			(16,207,327,295)			40,685,622,491		23,900,559,608	
15. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		3,006,047,241			13,963,538,977			6,429,672,232		17,997,299,139	
16. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40)	25		47,571,279,014			44,258,752,175			97,111,874,736		87,223,958,695	
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33)	26		37,969,461,993			39,142,477,333			86,472,585,752		77,186,387,192	
+ Chi hoa hồng	27		32,679,325,753			32,771,790,280			75,635,663,249		65,475,138,284	
+ Chi giám định tổn thất	28		1,707,989,909			2,330,325,468			3,022,387,447		3,668,967,056	
+ Chi đòi người thứ 3	29		-			-			-		-	
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		-			-			-		-	
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		34,296,374			43,000,000			34,296,374		43,000,000	
+ Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		1,443,895,653			1,223,750,488			3,076,182,586		2,761,405,824	
+ Chi khác	33		2,103,954,304			2,773,611,097			4,704,056,096		5,237,876,028	
Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34		9,601,817,021			4,169,654,842			10,639,288,984		9,090,951,503	
+ Chi hoa hồng	35		9,035,149,754			4,053,134,530			10,072,621,717		8,814,075,233	
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-			-			-		-	
+ Chi khác	38		566,667,267			116,520,312			566,667,267		276,876,270	
Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		-			946,620,000			-		946,620,000	
Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-			-			-		-	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2013			Quý II.2012		Năm nay		Năm trước	
17. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 +/- 23 + 24 + 25)	41		190,660,216,482			151,012,901,143		417,157,318,081		349,631,741,366	
18. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	41.1	VI.3	81,142,675,814			66,000,750,267		145,736,232,569		126,248,952,870	
19. Lợi nhuận gộp (42 = 14 + 14.1 - 41 - 41.1)	42		111,500,186,660			101,992,353,604		228,356,908,970		192,029,353,296	
20. Chi phí bán hàng	43	VI.4	18,215,510,247			17,245,012,530		39,851,798,617		25,941,128,692	
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.5	96,365,850,194			100,115,189,113		196,550,203,458		188,933,385,711	
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45 = 42 - 43 - 44)	45		(3,081,173,781)			(15,367,848,039)		(8,045,093,105)		(22,845,161,107)	
23. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.6	27,883,042,712			34,982,775,392		53,286,291,840		61,956,406,490	
24. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.7	7,111,056,143			7,624,861,941		11,509,891,956		5,704,563,500	
25. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51		20,771,986,569			27,357,913,451		41,776,399,884		56,251,842,990	
26. Thu nhập khác	52		65,585,597			4,093,120		112,729,585		16,575,595	
27. Chi phí khác	53		64,615,971			(17,214,949)		170,839,293		79,247,298	
28. Lợi nhuận khác (54 = 52 - 53)	54		969,626			21,308,069		(58,109,708)		(62,671,703)	
29. Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	54.1		481,228,550			(5,536,893,740)		377,902,200		(7,048,850,840)	
30. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (56 = 45 + 51 + 54 + 54.1)	55		18,173,010,964			6,474,479,741		34,051,099,271		26,295,159,340	
31. Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		(2,499,387,346)			14,791,165		(4,956,774,236)		1,365,902,522	
32. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57=55+56)	57		15,673,623,618			6,489,270,906		29,094,325,035		27,661,061,862	
33. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		15,673,623,618			6,489,270,906		29,094,325,035		27,661,061,862	

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BÁO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2013	Quý II.2012	Năm nay	Năm trước
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	V.21	3,918,405,906	1,846,675,856	7,273,581,259	7,139,623,595
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1	-	-	-	-	-
36. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55 - 60 - 60.1)	61		14,254,605,059	4,627,803,885	26,777,518,013	19,155,535,745
37. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61.1		38,526,144	150,446,951	46,426,637	290,935,126
38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		14,216,078,915	4,477,356,934	26,731,091,376	18,864,600,619
39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	VI.8	282	89	530	417

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Luỹ kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)	10	24.544.862.719	21.377.583.878	17.687.343.504	42.264.319.518	54.355.313.164	12.453.869.073
1. Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ	11	5.957.121.121	13.505.611.133	12.292.268.003	28.660.991.706	29.902.550.186	4.715.562.641
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	98.959.035	315.910.608	311.198.273	421.797.243	520.756.278	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	47.123.350	124.020.741	76.897.391	153.044.559	200.167.909	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	17.200.855.901	3.918.405.906	1.318.072.572	7.273.581.259	17.721.858.915	6.752.578.245
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	1.166.689.251	3.511.800.890	3.634.635.830	5.717.160.515	5.912.208.605	971.641.161
9. Các loại thuế khác	19	74.114.061	1.834.600	54.271.435	37.744.236	97.771.271	14.087.026
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	24.544.862.719	21.377.583.878	17.687.343.504	42.264.319.518	54.355.313.164	12.453.869.073

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay:

Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp:

24.544.862.719
17.200.855.901

Người lập biểu



Trần Xuân Trường

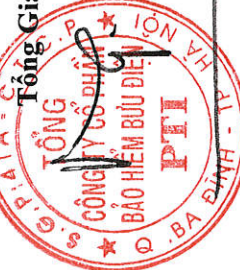
Q.Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34,051,099,271	26,295,159,340
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,338,221,006	5,638,496,150
- Các khoản dự phòng	03		83,654,310,082	114,641,389,372
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44,761,923,607)	(40,822,552,167)
- Chi phí lãi vay	06		1,136,250,959	1,520,413,138
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79,417,957,711	107,272,905,833
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71,343,318,226)	(23,723,819,861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17,853,292,297	(5,312,755,987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16,112,522,609)	(2,403,010,987)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,545,556,825)	(1,173,558,719)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,136,250,959)	(1,520,413,138)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17,721,858,915)	(18,092,585,749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,021,068,358	1,027,961,441
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(685,246,720)	(5,162,238,133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18,252,435,888)	50,912,484,700
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14,519,839,234)	(43,035,794,599)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(295,100,000,000)	(403,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		264,050,000,000	234,651,001,297
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,520,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		20,280,000,000	1,756,850,840
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51,807,140,852	34,296,570,532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23,997,301,618	(175,731,371,930)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

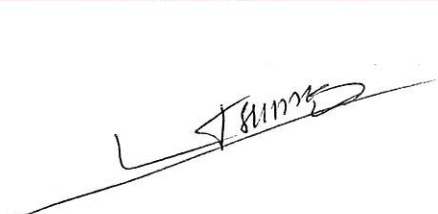
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		996.862.950	38.601.224.972
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.600.000.000)	(42.461.041.488)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(545.247.264)	(1.308.715.321)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.148.384.314)	(5.168.531.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.596.481.416	(129.987.419.067)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.097.225.837	295.255.761.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	76.693.707.253	165.268.342.577

Người lập biểu

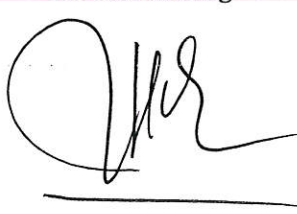
Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Trường



Cao Thu Hiền



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, các công ty con và lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ

- 4. Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	51%	91%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	95%	98%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	40,00%	40,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 1.019 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.036 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh Bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh Bảo hiểm của năm tài chính trước}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường BQ của năm tài chính trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	--	---	--	---	--

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.815 VND/USD

30/6/2013 : 20.130 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc thực thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo đổi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tổng Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính

Tổng Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trọng năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.325.798.787	8.157.350.734
Tiền gửi ngân hàng	29.153.863.466	46.569.390.707
Tiền đang chuyển	28.214.045.000	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	15.000.000.000	17.370.484.396
Cộng	<u>76.693.707.253</u>	<u>72.097.225.837</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		60.536.020.823		23.762.129.534
VFA	1.482.000	9.500.628.629	1.482.000	9.500.628.629
VNR	1.500.000	14.261.500.905	1.500.000	14.261.500.905
BCC	340.000	1.734.828.735		
BMP	24.500	1.501.039.775		
DNP	168.300	2.275.458.075		
PGI	50.000	399.598.500		
RAL	21.800	788.140.440		
REE	296.050	7.303.112.442		
SBT	170.000	2.466.694.500		
SHB	300.000	2.164.819.400		
SVC	260.300	3.651.655.280		
TLG	22.110	645.904.035		
VF1	443.720	6.066.587.548		
VSH	550.000	7.776.052.559		
Đầu tư ngắn hạn khác		609.990.000.000		633.120.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>		582.970.000.000		589.600.000.000
<i>Ủy thác đầu tư ngắn hạn</i>		27.020.000.000		43.520.000.000
Cộng		670.526.020.823		656.882.129.534
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		<u>(1.464.449.231)</u>		<u>(756.828.500)</u>
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		<u>669.061.571.592</u>		<u>656.125.301.034</u>

(*) Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	159.014.600.640	153.722.116.582
Phải thu về tái bảo hiểm	35.292.456.938	20.346.649.744
Phải thu khác của khách hàng	28.030.968.791	25.011.670.005
Cộng	222.338.026.369	199.080.436.331

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	22.504.636.124	21.515.400.814
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	184.696.267	300.663.871
Trả trước cho nhà cung cấp khác	3.616.875.527	3.413.367.051
Cộng	26.306.207.918	25.229.431.736

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	70.943.421.643	78.183.297.910
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Phải thu bồi thường hộ, giám định hộ	2.345.163.470	2.071.956.404
Các khoản phải thu khác	38.560.429.223	25.101.694.706
Cộng	117.463.196.090	110.971.130.774

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.233.806.404	1.578.475.975
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.107.436.428	4.888.933.036
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.508.074.368	3.928.317.568
Từ 3 năm trở lên	20.962.226.842	18.799.351.272
Cộng	38.811.544.042	29.195.077.851

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	38.140.455	78.712.207
Tiền thuê nhà	637.270.858	211.557.736
Chi phí khác	297.422.822	492.706.741
Cộng	972.834.135	782.976.684

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	58.471.135	614.547.293
Thuế thu nhập cá nhân	248.555.976	167.601.237
Các loại thuế khác	125.934.287	66.798.565
Cộng	432.961.398	848.947.095

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.397.348.781	7.950.838.951	52.408.365.257	21.049.405.127	91.805.958.116
Tăng trong kỳ		902.183.194		657.603.089	1.559.786.283
Mua sắm mới		50.936.500		657.603.089	708.539.589
XDCB hoàn thành		851.246.694			851.246.694
Thanh lý		(18.938.000)		(463.205.712)	(482.143.712)
Phân loại			(2.021.494.244)	2.021.494.244	
Số cuối kỳ	10.397.348.781	8.834.084.145	50.386.871.013	23.265.296.748	92.883.600.687
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.828.518.385	2.640.571.938	27.413.640.109	13.864.200.924	45.746.931.356
Khấu hao trong kỳ	202.597.702	801.487.421	1.639.551.533	2.355.698.204	4.999.334.860
Thanh lý		(18.938.000)		(404.346.716)	(423.284.716)
Phân loại			(1.622.303.897)	1.622.303.897	
Số cuối kỳ	2.031.116.087	3.423.121.359	27.430.887.745	17.437.856.309	50.322.981.500
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.568.830.396	5.310.267.013	24.994.725.148	7.185.204.203	46.059.026.760
Số cuối kỳ	8.366.232.694	5.410.962.786	22.955.983.268	5.827.440.439	42.560.619.187

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.795.404.000	3.342.273.011	48.137.677.011
Mua mới		55.000.000	55.000.000
Số cuối kỳ	44.795.404.000	3.397.273.011	48.192.677.011
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		1.825.087.750	1.825.087.750
Khấu hao		338.886.146	338.886.146
Số cuối kỳ		2.163.973.896	2.163.973.896
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.795.404.000	1.517.185.261	46.312.589.261
Số cuối kỳ	44.795.404.000	1.233.299.115	46.028.703.115

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ^(a)	49%	90.228.252.126	49%	91.085.353.569
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ^(b)	40%	13.933.684.249	40%	12.084.724.249
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ^(c)	21,3%	10.624.376.564	21,3%	11.411.192.369
Cộng		114.786.312.939		114.581.270.187

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(a)	91.085.353.569	(857.101.443)			90.228.252.126
(b)	12.084.724.249	1.848.960.000	(351.000.000)		13.582.684.249
(c)	11.411.192.369	(262.956.357)		(523.859.448)	10.624.376.564
Cộng	114.581.270.187	728.902.200	(351.000.000)	(523.859.448)	114.435.312.939

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		60.695.000.000		80.975.000.000
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Út Xi	1.000.000	15.000.000.000	1.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	294.000	2.940.000.000	294.000	2.940.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	1.708.000	17.080.000.000	1.708.000	17.080.000.000
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	580.000	5.800.000.000	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	1.250.000	14.900.000.000	1.250.000	14.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng			2.600.000	20.280.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		53.400.000.000		3.180.000.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư		9.861.381.283		8.919.357.763
Cho vay ủy thác		71.171.353.803		71.171.353.803
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi		34.264.000.000		34.264.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
nhánh Thăng Long				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hà Nội		22.700.000.000		22.700.000.000
Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		14.207.353.803		14.207.353.803
Đầu tư dài hạn khác		61.010.347.222		57.910.347.222
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty CP bất động sản Bưu điện		42.910.347.222		42.910.347.222
Ủy thác quản lý vốn qua Công ty CP Bất Động sản Bưu điện		18.100.000.000		15.000.000.000
Cộng		256.138.082.308		222.156.058.788

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Bán 2.600.000 cổ phiếu Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng.
- Chuyển tiền gửi có kỳ hạn sang ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư IPA 1.000.000.000 đồng.
- Chuyển tiền ủy thác quản lý vốn qua Công ty Cổ phần Bất Động sản Bưu Điện 3.100.000.000 đồng.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	4.335.482.354
Trích lập dự phòng bổ sung	2.311.147.950
Hoàn nhập dự phòng	(529.034.966)
Số cuối kỳ	6.117.595.338

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	65.776.272				65.776.272
XDCB dở dang	109.443.589.754	13.756.299.645	851.246.694	316.222.974	122.032.419.731
Sàn Handico 6	26.911.649.250	8.000.000.000			34.911.649.250
Sàn Thương mại Thủy lợi 4	78.795.454.546	4.000.000.000			82.795.454.546
Cửa hàng Xăng dầu Cái Lắc	70.271.484				70.271.484
Công trình inbuilding	3.666.214.474	1.756.299.645	851.246.694	316.222.974	4.255.044.451
Cộng	109.509.366.026	13.756.299.645	851.246.694	316.222.974	122.098.196.003

15. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng lâu dài 909,8 m² đất tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	647.484.090	2.138.451.382
Chi phí thuê nhà	4.788.382.698	4.864.804.646
Chi phí phát triển đại lý	1.607.030.507	2.267.695.553
Các khoản chi phí khác	4.637.365.665	2.332.351.077
Cộng	11.680.262.960	11.603.302.658

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.456.862.950	18.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình⁽ⁱ⁾</i>	16.500.000.000	18.000.000.000
<i>Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Quân Đội⁽ⁱⁱ⁾</i>	956.862.950	
Cộng	17.456.862.950	18.000.000.000

⁽ⁱ⁾ Bao gồm 2 khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất của các khoản vay này lần lượt là 17% cho vốn gốc 10 tỷ đồng và theo lãi suất thả nổi xác định tại từng thời điểm giải ngân theo từng khế ước nhận nợ cho vốn gốc 8 tỷ đồng. Các khoản vay được bảo đảm lần lượt bằng tín chấp và bằng hợp đồng tiền gửi số 2009128/HD9TG/PTI – Seabank Ba Đình của Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Seabank) – Chi nhánh Ba Đình ngày 20/9/2012, tổng giá trị 20.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 2012/2012/HĐ-PKHCN ngày 20/12/2012.

Tình hình biến động khoản vay ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	18.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	37.956.862.950
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(38.500.000.000)
Số cuối kỳ	17.456.862.950

18. Nợ dài hạn đến hạn trả

Tình hình biến động khoản nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

Số đầu năm	100.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(60.000.000)
Cộng	40.000.000

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	43.967.095.930	47.557.078.442
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	25.112.076.719	11.735.454.438
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	5.347.772.516	4.243.670.699
Phải trả cho nhà cung cấp khác	33.586.807.339	24.964.308.756
Cộng	108.031.837.893	88.518.597.724

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bảo hiểm gốc	2.439.701.177	6.191.479.172
Người mua trả tiền trước khác	54.028.543	274.662.102
Cộng	2.493.729.720	6.466.141.274

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.774.033.776	6.571.668.414
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		98.959.035
Thuế xuất nhập khẩu		47.123.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.752.578.245	17.200.855.901
Thuế thu nhập cá nhân	1.220.197.137	1.334.290.488
Các loại thuế khác	140.021.313	140.912.626
Cộng	12.886.830.471	25.393.809.814

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.402.099.271	26.295.159.340
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.307.774.236)	1.365.902.522
- Các khoản điều chỉnh tăng	881.204	7.112.748.265
Chi phí không được trừ	881.204	63.897.425
Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết		7.048.850.840
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.308.655.440)	(5.746.845.743)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(4.389.040.000)	(5.568.300.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm	(190.713.240)	(178.545.743)
Lợi nhuận (lãi) trong Công ty liên kết	(728.902.200)	
Thu nhập chịu thuế	29.094.325.035	27.661.061.862
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	29.094.325.035	27.661.061.862
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.273.581.259	6.915.265.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	7.273.581.259	6.915.265.466
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		224.358.130
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.273.581.259	7.139.623.595

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	975.356.571	394.016.136
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	609.572.563	1.055.496.021
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	61.400.335.228	6.510.302.592
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.182.686.488	2.190.252.657
Phải trả phải nộp khác	17.763.565.156	10.046.578.926
Cộng	82.931.516.006	20.196.646.332

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	114.253.305.488	16.142.724.236	15.814.608.483	67.663.103.087	663.873.741.294
Tăng vốn trong năm từ phát hành cổ phiếu thường	53.957.090.000	(53.957.090.000)				-
Lợi nhuận trong năm					64.495.965.764	64.495.965.764
Trích lập các quỹ trong năm			690.870.575	6.635.329.501	(13.199.571.137)	(5.873.371.061)
Chia cổ tức năm nay					(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Chi thù lao và thưởng HĐQT					(1.062.645.399)	(1.062.645.399)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con, Công ty liên kết					9.470.789	9.470.789
Tăng do hợp nhất báo cáo Công ty liên kết					(922.882.182)	(922.882.182)
Chia lãi bên liên doanh					(241.163.409)	(241.163.409)
Số dư cuối năm trước	503.957.090.000	60.296.215.488	16.833.594.811	22.449.937.984	58.242.277.513	661.779.115.796
Số dư đầu năm nay	503.957.090.000	60.296.215.488	16.833.594.811	22.449.937.984	58.242.277.513	661.779.115.796
Lợi nhuận trong năm					26.731.091.376	26.731.091.376
Trích lập các quỹ trong năm			641.429.864	26.172.692	(1.875.579.167)	(1.207.976.611)
Chia cổ tức năm nay					(55.435.279.900)	(55.435.279.900)
Chi thù lao và thưởng HĐQT					(732.874.649)	(732.874.649)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con, Công ty liên kết					(127.139.898)	(127.139.898)
Tăng do hợp nhất báo cáo Công ty liên kết					(523.859.448)	(523.859.448)
Chia lãi bên liên doanh					(118.006.255)	(118.006.255)
Số dư cuối kỳ	503.957.090.000	60.296.215.488	17.475.024.675	22.476.110.676	26.160.629.572	630.365.070.411

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	503.957.090.000	503.957.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.296.215.488	60.296.215.488
Cộng	564.253.305.488	564.253.305.488

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.400.000	50.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	50.395.709	50.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.395.709	50.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

Số đầu năm	4.310.832.819
Lợi ích sau thuế của cổ đông thiểu số	46.426.637
Giảm do hợp nhất kinh doanh	(2.293.730.626)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(708.460.000)
Giảm do chia lãi cho các bên liên doanh	(10.993.745)
Tăng, giảm khác	(17.806.540)
Số cuối kỳ	1.326.268.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	758.340.907.430	973.423.590.950
- Doanh thu bảo hiểm gốc	688.062.710.361	900.395.811.887
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm	48.834.143.660	43.623.494.937
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	21.211.483.879	26.339.322.273
- Doanh thu khác	232.569.530	3.064.961.854
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(118.362.446.202)	(440.108.924.198)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	(82.068.145.324)	(330.984.138.216)
- Giảm phí bảo hiểm	(3.648.707.059)	(3.670.956.545)
- Hoàn phí bảo hiểm	(8.212.778.366)	(9.454.240.758)
Tăng (Giảm) dự phòng phí	(24.432.815.453)	(95.999.588.679)
Doanh thu thuần	639.978.461.228	533.314.666.752

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	140.417.243.230	125.708.226.502
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	10.854.755.162	8.887.154.278
Cộng	151.271.998.392	134.595.380.780

3. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	137.085.600.086	119.909.641.814
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	8.650.632.483	6.339.311.056
Cộng	145.736.232.569	126.248.952.870

4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm và dịch vụ sau bán hàng	38.797.247.955	23.597.208.897
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.054.550.662	2.343.919.795
Cộng	39.851.798.617	25.941.128.692

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	73.176.040.627	56.215.511.453
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.639.084.147	12.094.751.997
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	4.292.679.913	5.325.914.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.447.658.370	5.038.343.462
Thuế, phí và lệ phí	2.753.979.423	3.172.690.719
Chi phí dự phòng	5.887.389.732	7.183.032.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.772.261.988	27.041.130.437
Chi phí khác bằng tiền	64.581.109.258	72.862.010.941
Cộng	196.550.203.458	188.933.385.711

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	35.424.028.622	33.926.468.108
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	915.106.159	506.388.746
Lãi tiền cho vay uỷ thác	2.139.497.379	3.537.283.272
Lãi kinh doanh chứng khoán	7.258.557.845	13.324.176.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.389.040.000	5.568.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	218.506.153	1.559.067.287
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	1.820.000.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.121.555.682	3.534.722.234
Cộng	53.286.291.840	61.956.406.490

7. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.617.225	409.456.838
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3.962.076.583	6.040.458.678
Chi phí đầu tư bất động sản	58.450.909	50.000.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	57.976.480	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.504.673.640	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.285.863.466)	(2.439.090.685)
Lãi vay	1.131.784.543	1.520.413.138
Chi phí tài chính khác	40.176.042	123.325.531
Cộng	11.509.891.956	5.704.563.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.731.091.376	18.864.600.619
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.731.091.376	18.864.600.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.395.709	45.269.785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	530	417

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	50.395.709	45.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22 tháng 6 năm 2012		269.785
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.395.709	45.269.785

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	1.663.200.000	1.350.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	362.272.727	408.100.000
Cộng	2.025.472.727	1.758.100.000

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam		309.645.740.961

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	36.710.524	157.316.667
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	11.293.258	24.160.401
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	91.943.242	389.894.359
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	2.533.362.205	2.934.060.377
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	705.621.270	632.364.484
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	85.158.697	281.861.434
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	25.738.377.425	22.657.765.909
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	5.946.680.364	4.654.309.471
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	19.824.283.673	11.387.869.019
Chi khác nhận tái bảo hiểm	7.350.127	209.174.663
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	18.961.091.753	21.206.808.721
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.884.695.724	4.041.773.320
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	3.514.339.600	12.470.754.250

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	11.002.388.368	3.898.205.475
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	3.068.328.438	1.259.220.224
Cộng nợ phải trả	14.070.716.806	5.157.425.699

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.693.707.253				76.693.707.253
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	37.173.686.592			23.362.334.231	60.536.020.823

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	795.571.701.025			9.861.381.283	805.433.082.308
Phải thu khách hàng	180.488.611.817			41.849.414.552	222.338.026.369
Các khoản phải thu khác	129.835.017.864			5.700.800.413	135.535.818.277
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	37.075.000.000			23.620.000.000	60.695.000.000
Cộng	1.256.837.724.551			104.393.930.479	1.361.231.655.030

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	72.097.225.837				72.097.225.837
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	14.261.501.034			9.500.628.500	23.762.129.534
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	721.861.701.025				721.861.701.025
Phải thu khách hàng	154.448.482.433			44.631.953.898	199.080.436.331
Các khoản phải thu khác	123.619.774.186			5.700.800.413	129.320.574.599
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	117.955.000.000			15.459.357.763	133.414.357.763
Cộng	1.204.243.684.515			75.292.740.574	1.279.536.425.089

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	17.496.862.950			17.496.862.950
Phải trả người bán	108.031.837.893			108.031.837.893
Các khoản phải trả khác	82.005.684.920	440.163.136		82.445.848.056
Cộng	207.534.385.763	440.163.136		207.974.548.899

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	18.100.000.000			18.100.000.000
Phải trả người bán	88.518.597.724			88.518.597.724
Các khoản phải trả khác	19.414.736.059	441.163.136		19.855.899.195
Cộng	126.033.333.783	441.163.136		126.474.496.919

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.693.707.253	72.097.225.837
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	805.433.082.308	721.861.701.025
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	882.126.789.561	793.958.926.862

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 467.246.685 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 323.013.968 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay tăng/giảm so với năm trước do Tổng Công ty thay đổi cơ cấu đầu tư chứng khoán và giá chứng khoán đầu năm và cuối năm không biến động lớn.

Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.693.707.253		72.097.225.837		76.693.707.253	72.097.225.837
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	60.536.020.823	(1.464.449.231)	23.762.129.534	(756.828.500)	59.071.571.592	23.005.301.034
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	805.433.082.308	(1.406.447.388)	721.861.701.025		804.026.634.920	721.861.701.025
Phải thu khách hàng	222.338.026.369	(33.110.743.628)	199.080.436.331	(23.494.277.438)	189.227.282.741	175.586.158.893
Các khoản phải thu khác	135.535.818.277	(5.700.800.414)	129.320.574.599	(5.700.800.413)	129.835.017.863	123.619.774.186
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	60.695.000.000	(4.711.147.950)	133.414.357.763	(4.335.482.354)	55.983.852.050	129.078.875.409
Cộng	1.361.231.655.030	(46.393.588.611)	1.279.536.425.089	(34.287.388.705)	1.314.838.066.419	1.245.249.036.384

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	17.496.862.950	18.100.000.000	17.496.862.950	18.100.000.000
Phải trả người bán	108.031.837.893	88.518.597.724	108.031.837.893	88.518.597.724
Các khoản phải trả khác	82.445.848.056	19.855.899.195	82.445.848.056	19.855.899.195
Cộng	207.974.548.899	126.474.496.919	207.974.548.899	126.474.496.919

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	64,67	67,55
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	35,33	32,45
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,39	63,00
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,61	37,00
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,58	1,59
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,95	4,47
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,65
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	19,71	27,0
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,19	3,60
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,35	2,62
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,11	1,56
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,69	1,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,15	3,09

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Xuân Trường

Cao Thu Hiền

Nguyễn Trường Giang